

**CÔNG TY CỔ PHẦN G5M VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN G5M VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: G5M VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: G5M VIET NAM., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109690880

**3. Ngày thành lập:** 01/07/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 5, tổ 13 Khương Trung, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 037.9112.122

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất sợi                                                                                    | 1311        |
| 2.  | Sản xuất vải dệt thoi                                                                           | 1312        |
| 3.  | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                         | 1313        |
| 4.  | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                          | 1392        |
| 5.  | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                        | 1393        |
| 6.  | Sản xuất các loại dây bện và lưới                                                               | 1394        |
| 7.  | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động sản xuất nhà nước cấm) | 1399        |
| 8.  | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                  | 1410        |
| 9.  | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                | 1420        |
| 10. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                            | 1430        |
| 11. | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú                                                   | 1511        |
| 12. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                  | 1512        |
| 13. | Sản xuất giày, dép                                                                              | 1520        |
| 14. | In ấn                                                                                           | 1811        |
| 15. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                        | 2410        |
| 16. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                    | 2592        |
| 17. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động sản xuất nhà nước cấm)                   | 3290        |
| 18. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)                          | 4610        |
| 19. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                            | 4641(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu | 4649 |
| 21. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4659 |
| 22. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4663 |
| 23. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4669 |
| 24. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4690 |
| 25. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4711 |
| 26. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4719 |
| 27. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4721 |
| 28. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4751 |
| 29. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4752 |
| 30. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4753 |
| 31. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                             | 4759 |
| 32. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4761 |
| 33. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4763 |
| 34. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4771 |
| 35. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ bán lẻ thuốc)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4772 |
| 36. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4774 |
| 37. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4782 |
| 38. | Quảng cáo<br>(Trừ Quảng cáo thuốc lá và các loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7310 |

|     |                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 39. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                    | 8292 |
| 40. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức         | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRỊNH NGỌC BÍCH | Đội 4, Thôn Đại Hải, Xã Nghĩa Thịnh, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 20.000     | 200.000.000           | 10,000    | 036199001282                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                | Tổng số                   | 20.000     | 200.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |

|   |                |                                                                              |                           |         |               |        |              |  |
|---|----------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|--|
| 2 | ĐẶNG VĂN THÀNH | Đội 11, Thôn Hạ, Xã Diên Xá, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định, Việt Nam         | Cổ phần phổ thông         | 140.000 | 1.400.000.000 | 70,000 | 036092005215 |  |
|   |                |                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                |                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                |                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                |                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                |                                                                              | Tổng số                   | 140.000 | 1.400.000.000 | 70,000 |              |  |
|   |                |                                                                              |                           |         |               |        |              |  |
| 3 | TRẦN MẠNH DŨNG | Thôn Gia Khánh, Xã Nguyễn Trãi, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 40.000  | 400.000.000   | 20,000 | 017444653    |  |
|   |                |                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                |                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                |                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                |                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                |                                                                              | Tổng số                   | 40.000  | 400.000.000   | 20,000 |              |  |
|   |                |                                                                              |                           |         |               |        |              |  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐẶNG VĂN THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/11/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036092005215

Ngày cấp: 09/11/2017

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Đội 11 Thôn Hạ, Xã Diên Xá, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Đội 11 Thôn Hạ, Xã Diên Xá, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội